

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87 /2025/DS-ST

Ngày: 14/9/2025

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm và ông Hoàng Sĩ Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xét xử lưu động sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-DS ngày 29/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2025/QĐST-DS, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số A, quốc lộ E, khu phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nay là: xã P, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1977, ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà A, đường T, khu dân cư A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nay là: Khu dân cư A, xã P, thành phố Hải Phòng. Bà L có mặt, ông L1 vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số A, quốc lộ E, khu phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nay là xã P, thành phố Hải Phòng. Ông P vắng mặt, uỷ quyền cho bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và vợ chồng bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Đức L1 có quan hệ họ hàng. Tháng 6/2020, vợ chồng bà L nói chuyện với vợ chồng bà về việc cần vay

tiền để làm ăn. Do vợ chồng bà không có tiền, vợ chồng bà L, ông L1 nhờ vợ chồng bà vay vốn tại **Quỹ tín dụng nhân dân xã N** để lấy tiền cho ông L1, bà L vay. Do tin tưởng ông L1, bà L nên vợ chồng bà đã đồng ý mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng đến vay tiền tại Quỹ tín dụng rồi cho ông L1, bà L vay. Ngày 18/6/2020, sau khi nhận được tiền vay từ quỹ tín dụng bà đã chuyển số tiền 400.000.000 đồng cho vợ chồng ông L1, bà L. Bà L đã viết giấy biên nhận vay tiền và giao cho bà 01 bộ giấy tờ xe đầu kéo biển số 34A-141.55 và somi rơ moóc biển số 34R-012.96 cho bà giữ còn xe thì ông L1, bà L vẫn sử dụng. Bà và ông L1 thỏa thuận tiền lãi vay là 1% theo lãi suất của quỹ tín dụng. Khi vợ chồng bà cần tiền, bà đã nhiều lần gọi điện, gặp gỡ ông L1, bà L để đòi nhưng ông L1, bà L khất lần, không trả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông L1, bà L phải trả số tiền 400.000.000 đồng nợ gốc và 166.200.000 đồng tiền lãi theo lãi suất quỹ tín dụng tính từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/3/2024. Ngày 19/02/2025, bà có đơn xin rút yêu cầu về tính lãi suất đối với khoản vay.

Tại Biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử vụ án bị đơn bà Phạm Thị L khai: Bà và ông Nguyễn Đức L1 là vợ chồng. Vợ chồng bà đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Tòa án nhưng do ông L1 đi làm xa (lái xe đường dài) không có mặt tại Tòa án được. Bà thừa nhận: vợ chồng bà có nhờ bà H đứng ra vay hộ số tiền 400.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân Ngũ Phúc đúng như giấy vay tiền đề ngày 18/6/2020. Bà có viết giấy nhận số tiền 400.000.000 đồng nhưng bà chưa nhận tiền. Lý do bà chưa nhận tiền là sau khi viết giấy vay tiền xong do bà H không vay được tiền nên vợ chồng bà không được nhận tiền. Nay bà H khởi kiện đòi số tiền 400.000.000đ gốc và lãi, bà không đồng ý. Bà xác định chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 18/6/2020 là của bà.

Về phía ông Nguyễn Đức L1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông L1 nhiều lần đến trụ sở Tòa án để giải quyết việc bà Phạm Thị H khởi kiện số tiền 400.000.000đồng, nhưng ông L1 không có mặt. Tại Công văn số: 1316/2025 ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc “*tra cứu thông tin xuất nhập cảnh*” của Phòng Q – Công an tỉnh H xác định ông Nguyễn Đức L1 xuất cảnh ngày 27/8/2024, đến ngày Tòa án có văn bản đề nghị Cục X tra cứu thông tin thì chưa có thông tin ông L1 nhập cảnh lại Việt Nam. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Đức L1 được.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/02/2025, đại diện quỹ tín dụng nhân dân Ngũ Phúc xác định: Ngày 18/6/2020, bà H ông P vay 400.000.000 đồng, lãi suất 10,35% thời hạn vay 6 tháng, tất toán ngày 21/12/2020.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, Bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 155; điều 166, điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, buộc ông Nguyễn Văn L2, bà Phạm Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 400.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu về lãi suất của bà Phạm Thị H; Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp. Anh L2 chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Đức L1 xuất cảnh trước khi bà Phạm Thị H khởi kiện vụ án. Vì vậy, ngày 03/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Phạm Thị L tại phiên tòa xác định: bà L đã hai lần nhận thay giấy triệu tập cho ông L1 đến tham gia tố tụng tại phiên tòa và đã thông báo cho ông L1. Tại phiên tòa hôm nay ông L1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông L1.

Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp giao dịch dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên xét về thời hiệu khởi kiện thì theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết được hoặc phải biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Trong vụ án này, ngày 18/6/2020 bà H cho vợ chồng bà L vay 400.000.000đ, thời hạn vay 6 tháng. Ngày 18/12/2020, bà L, ông L1 phải trả số tiền trên nhưng bà L, ông L1 không trả. Ngày 19/12/2020 quyền và lợi ích hợp pháp của bà H bị xâm hại. Ngày

15/4/2024, bà H khởi kiện. Việc bà H khởi kiện đã vượt quá thời hạn theo quy định Điều 429 của Bộ luật Dân sự. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đòi tiền nợ gốc. Theo quy định khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp "yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu...". Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp kiện đòi tài sản.

[2]. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu ông L1, bà L phải trả 400.000.000 đồng tiền nợ gốc. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H cung cấp cho Tòa án một bản gốc Giấy vay tiền ngày 18/6/2020 thể hiện bà H đã cho bà L, ông L1 vay số tiền 400.000.000 đồng, nhiều tin nhắn có nội dung bà L khát nợ với bà H. Tuy bà L trình bày các tin nhắn khát nợ đó là để khát nợ cho khoản vay khác chứ không phải khoản vay 400.000.000 đồng này nhưng bà L không đưa ra được căn cứ chứng minh, không giải thích được khoản vay đó là khoản vay nào, thời gian nào. Lời khai nguồn gốc số tiền cho vay của bà H hoàn toàn phù hợp với kết quả xác minh tại Quỹ tín dụng N. Theo người đại diện của Quỹ tín dụng Ngũ Phúc cung cấp: Ngày 18/6/2020, ông P, bà H có vay 400.000.000 đồng, lãi suất 10,35%, thời hạn vay 6 tháng, tất toán ngày 21/12/2020, phù hợp với Giấy vay tiền, phù hợp với nội dung các tin nhắn bà L đã gửi cho bà H để khát nợ.

Xem xét lời khai của bị đơn bà Phạm Thị L xác định chỉ viết Giấy vay nợ chứ chưa được nhận số tiền 400.000.000 đồng thì thấy rằng: Mặc dù bà L khai chưa nhận số tiền 400.000.000 đồng của bà H, song bản thân bà L xác nhận vợ chồng bà đã đưa cho bà H quản lý 02 bản gốc giấy tờ xe ô tô từ khi các bên lập giấy vay tiền cho đến nay dẫn tới vợ chồng bà L không sử dụng xe ô tô được nhưng không có ý kiến gì về việc đòi lại 02 giấy tờ gốc của xe ô tô.

Ngoài ra, tại phiên tòa, bà H và bà L đều thống nhất khai bà L đã nhiều lần đến quỹ tín dụng nhân dân Ngũ Phúc để trả lãi cho hợp đồng vay tiền của bà H, ông P vay tại Quỹ tín dụng xã N.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, buộc bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Đức L1 phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn P số tiền 400.000.000 đồng là phù hợp.

[3]. Về yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H rút yêu cầu không tính lãi suất đối với số tiền 400.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Hội

đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo quy định.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông L1, bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 8, Điều 11, Điều 164, Điều 166, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Đức L1, bà Phạm Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P1, bà Phạm Thị H số tiền 400.000.000đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông L1, bà L không thi hành khoản tiền trên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc buộc ông L1, bà L phải trả số tiền lãi suất.

3. Án phí: Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Đức L1 phải nộp 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo theo Biên lai thu số 0006431 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Đức L1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Bích